

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 04/CÔNG TY LIÊN DOANH PHẠM – ASSET/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân : Công Ty Liên Doanh Phạm – Asset

Địa chỉ : Lô D4/1, Đường 1B, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt nam.

Điện thoại : (84-028) 3 7653284 – 3 7653285 – 37653286 Fax: (84-028) 37 653258 -54283458

Email : [jojo@pham-asset.com](mailto:jojo@pham-asset.com)

Mã số doanh nghiệp : 0302771009

Số Giấy chứng nhận FSSC 22000: 38161412002, ngày cấp : 06/02/2024, Nơi cấp: I ntertek Certification Limited.

Thông tin về sản phẩm:

- Tên sản phẩm : **ĐẬU RÒN RÒN VỊ NƯỚC CỐT DỪA**
- Thành phần: Đậu phộng 40%, chất ổn định (1451, 1412, 451(i)), bột mì, dầu cọ, đường, xirô maltose, tinh bột sắn, bột gạo, tinh bột bắp, bột nếp, gia vị nước cốt dừa 2% (đường, maltodextrin, bột kem không sữa, muối, bột whey, chất chống đông vón (551), hương liệu tổng hợp (dừa), chất điều vị (951), chất điều chỉnh độ acid (330)), chất tạo xốp (500(ii)), muối i-ốt, nước cốt dừa 0,5%.
- Thời hạn sử dụng sản phẩm:
  - 06 tháng kể từ ngày sản xuất đối với sản phẩm dạng gói.
  - 09 tháng kể từ ngày sản xuất đối với sản phẩm dạng lon
- Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
  - Đậu phộng được đóng gói trong màng PET/MPET/PE/LLD, OPP/PE hoặc lon giấy tráng kim loại. Các gói đậu được đóng gói trong túi PE, PP hoặc thùng giấy.
  - Khối lượng tịnh mỗi gói/hộp/lon: 8g, 10g, 11g, 12g, 13g, 14g, 15g, 16g, 17g, 18g, 20g, 22g, 23g, 24g, 25g, 26g, 27g, 28g, 29g, 30g, 31g, 32g, 33g, 34g, 35g, 36g, 37g, 38g, 40g, 42g, 44g, 45g, 47g, 48g, 50g, 52g, 55g, 58g, 60g, 62g, 65g, 68g, 70g, 72g, 75g, 77g, 80g, 83g, 85g, 90g, 95g, 100g, 105g, 110g, 115g, 120g, 125g, 130g, 135g, 140g, 145g, 150g, 160g, 200g, 250g, 400g, 500g, 700g, 1kg và theo yêu cầu của khách hàng.
  - Các túi đậu được đóng vào thùng carton 3 lớp hoặc đóng trong túi PE, PP.



- Nắp thùng và đáy thùng hoặc túi PE, PP có dán băng keo kín, đảm bảo trong quá trình vận chuyển, bảo quản không bong rách.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Tên tổ chức: Công Ty TNHH Phạm – Asset MeKong

Địa chỉ: Lô F-2-1, Góc vuông Đường N4 và Đường D6, KCN Hựu Thạnh, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-027) 622 000 17

**Mẫu nhãn sản phẩm** : đính kèm nhãn sản phẩm.

## II. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo :

- Quy Định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm theo tiêu chuẩn cơ sở của sản phẩm.
- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, áp dụng cho ngũ cốc, lúa mì và gia vị
- Thông tư 24/2019/TT-BYT Quy định về quản lí và sử dụng phụ gia thực phẩm.

**Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.**

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 10 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu).



Giám Đốc  
Phạm Xuân Dũng







Eyemark 10x6.5mm

**TAPACK DIGITAL PROOF**  
**GENERAL INFORMATION**

Job Name: JOJO Print Coconupellant  
 Client: PHAM-ASSET  
 Version: 02 | Cro Code: TTP - D802469 - S1  
 Date: 06/10/2025  
 Dimension: 206 mm x 150 mm

Layout Target:  
 Theo QCSF 136/25  
 Color & Text Effects Target  
 Theo QCSF 136/25

Contents Target:  
 Theo Cromalin này, sau khi khách hàng đã xác nhận

Item Code:  
 Barcode number: 8936006344393  
 Barcode size:

**Mechanical AW History**

Date	Ver	Reason for Change
22/09/25	01	Edit content
06/10/25	02	Edit content

Edits compared to original artwork to meet printing techniques

Approved by tick the box

- 
- 
- 
- 
- 

**COLOR SEQUENCES**

1	2	3	4	5	6	7	8	9
Black	Brown	Red	Cyan	Magenta	Blue	Green	Yellow	White

10% 25% 50% 75% 100%

**Customer Approved:**

Checked and confirmed (content, color, dimension, eyemark, white base)

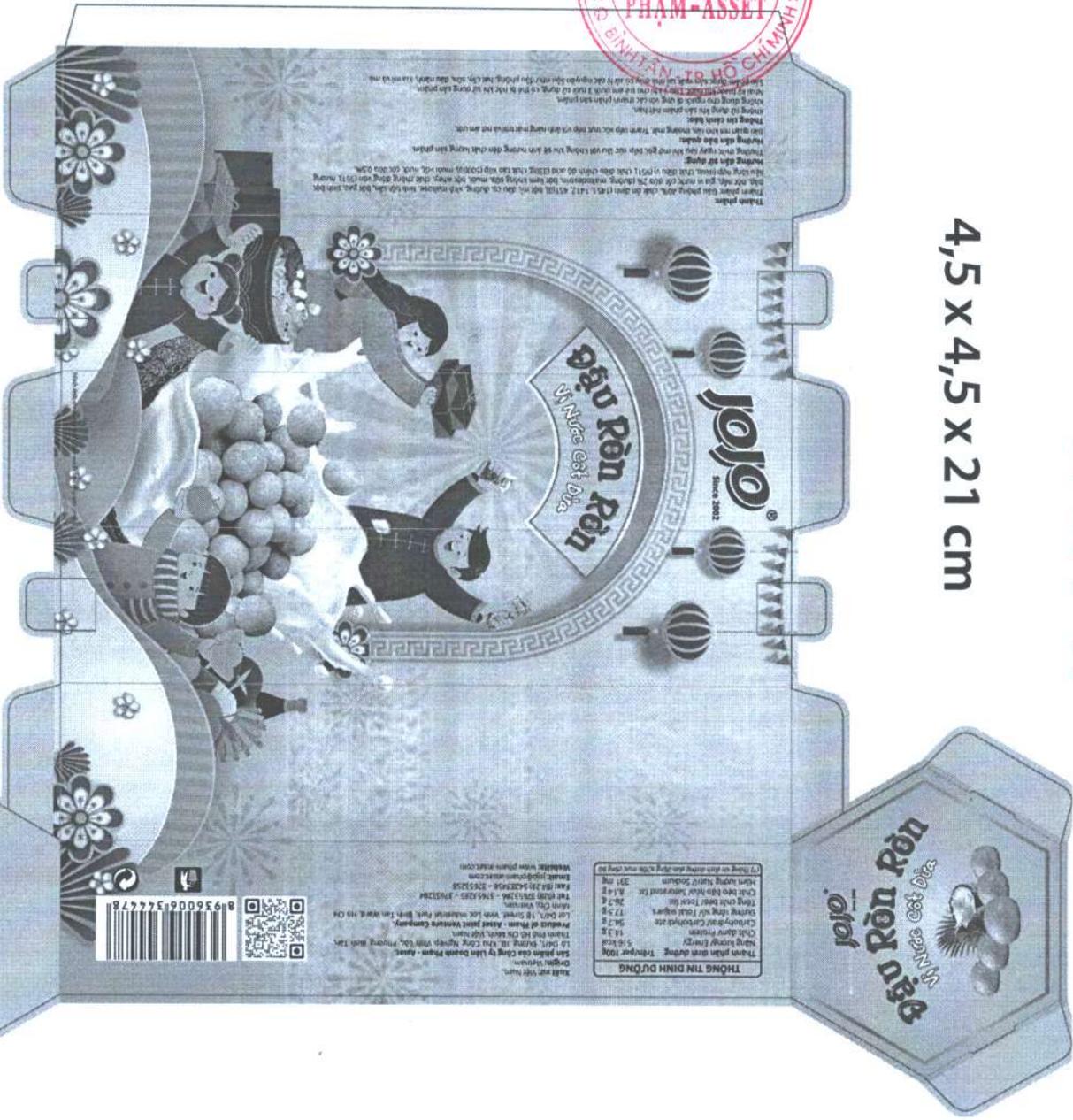
**TAPACK DESIGN DEPARTMENT**

Gravure Making Director:

Prepress Designer: Vũ Quốc Dũng

Quality Control (QC):

4,5 X 4,5 X 21 cm



**THÔNG TIN DINH DƯỠNG**

Thành phần trên đường	Trên 100g
Chất đạm	14.3g
Chất béo	17.9g
Chất bột đường	56.2g
Chất xơ	1.7g
Chất khoáng	26.7g
Chất vitamin	81.4g
Chất béo bão hòa	3.1g
Chất béo không bão hòa	13.2g
Chất béo bão hòa chuyển hóa	0.1g
Chất béo chuyển hóa	0.1g

**ĐƠN VỊ SẢN XUẤT**  
 Sản phẩm của Công Ty Liên Doanh Phạm - Asset  
 Lô D17, Đường 18, Khu Công Nghiệp Mới Lạc, Phường Bình Tân,  
 Quận Bình Tân, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.  
 Phạm Công Nghệ - Asset Food Services Company,  
 Lô D17, Đường 18, Khu Công Nghiệp Mới Lạc, Phường Bình Tân, Quận Bình Tân, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.  
 Mã số thuế: 0311232238 - 37632238  
 Mã số doanh nghiệp: 0311232238 - 37632238  
 Mã số đăng ký thuế: 0311232238 - 37632238  
 Email: info@pham-asset.com  
 Website: www.pham-asset.com



		Tên SP <b>HỘP LƯC GIÁC - ĐÁU PHÒNG ĐỪA</b>		Khách hàng duyệt:
KT 4,5 X 4,5 X 21 cm		Dạng In offset 4 màu, cán bóng, bề mặt thành phẩm.		
VL in Giấy Ivory 300gsm		Số màu(4) Đen Xanh Đỏ Vàng		Ngày 06.10.2025
Hotline: 0934.80.90.21		Ngày		



Trang/ Page No: 1/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: NDB7241200209-1

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY LIÊN DOANH PHẠM-ASSET  
Địa chỉ/ Client's Address : Lô D4/1, Đường 1B, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B,  
Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 05/12/2024  
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 05/12/2024 - 10/12/2024  
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/12/2024  
Thông tin mẫu/ Name of Sample : ĐẬU RÒN RÒN VỊ NƯỚC CỐT DỪA  
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong túi nhựa kín  
Bảng kết quả/ Results Table :





**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Đạm (*) / Protein (*)	11.8	g/100g	AVA-KN-PP.HL/01
2	Carbohydrat (Không bao gồm xơ) (*) / Carbohydrate (Not included fiber) (*)	54.0	g/100g	Calculated from carbohydrate and total dietary fiber
3	Béo tổng (*) / Total fat (*)	20.4	g/100g	AVA-KN-PP.HL/02
4	Natri (Na) (*) / Sodium (Na) (*)	468	mg/100g	AVA-KN-PP.QP/014 (Ref. AOAC 985.35)
5	Độ ẩm (*) / Moisture (*)	2.42	%	AVA-KN-PP.HL/05
6	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	<10	CFU/g	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
7	Coliforms (*) / Coliforms (*)	<10	CFU/g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
8	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0)	MPN/g	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)
9	Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)	<10	CFU/g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
10	Bacillus cereus (*) / Bacillus cereus (*)	<10	CFU/g	AOAC 980.31
11	Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	<10	CFU/g	AOAC 975.55
12	Tổng số nấm men nấm mốc (*) / Yeasts and Molds (*)	<10	CFU/g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)
13	Salmonella spp. (*) / Salmonella spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)
14	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	<0.01	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
15	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.003)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
16	Aflatoxin tổng số (B1. B2. G1. G2) (*) / Sum of Aflatoxin (B1. B2. G1. G2) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/091 (Ref. TCVN 6953:2001, TCVN 7596:2007 (ISO 16050:2003))
17	Aflatoxin B1 (*) / Aflatoxin B1 (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/091 (Ref. TCVN 6953:2001, TCVN 7596:2007 (ISO 16050:2003))

*Đovan*





**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
18	Deoxynivalenol (Vomitoxin) (*) / Deoxynivalenol (Vomitoxin) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 7)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/093 (Ref. EN 17194:2019)
19	Ochratoxin A (*) / Ochratoxin A (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.3)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/092 (Ref. EN 17194:2019)
20	Zearalenone (*) / Zearalenone (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 7)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/094 (Ref. TCVN 10640: 2014, EN 15850:2010)
21	Fumonisin tổng số (FB1, FB2) (*) / Sum of Fumonisin (FB1, FB2) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 1.5)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/095 (Ref. TCVN 8162:2009, EN 1385:2001)



**Chú thích/ Remarks:**

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- (\*\*),(\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*\*),(\*) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS): Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:  
- Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 CFU/g ; <10 CFU/ml ; <10 CFU/swab (mẫu) ; <1 CFU/0.1g ; <1 CFU/0.1ml ; <10 CFU/0.1g ; <10 CFU/0.1ml ; <1 CFU/ml ; <5 CFU/g ; <2 CFU/g khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 CFU/g ; <10 CFU/ml ; <10 CFU/swab (sample) ; <1 CFU/0.1g ; <1 CFU/0.1ml ; <10 CFU/0.1g ; <10 CFU/0.1ml ; <1 CFU/ml ; <5 CFU/g ; <2 CFU/g when the dish contains no colony.  
- Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 CFU/thể tích mẫu kiểm ; <1 CFU/khối lượng mẫu kiểm (đối với các nền mẫu nước đá) khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 CFU/sample volume tested ; <1 CFU/sample weight tested (for ice sample) when the dish contains no colony.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

**BÙI TÂN BÌNH**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**DEPUTY DIRECTOR**

M.S.D.N. P. C.T. P.  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
KHOA HỌC CÔNG NGHỆ  
**AVATEK**  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**TRẦN HOÀNG VINH**

